TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2019/HSST
Ngày: 26/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Quế

2. Bà Lò Thị Dỉnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Cao Xuân Tuân, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Năng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2019/HSST ngày 12/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Bùi Văn S** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 18/9/1989, tại tỉnh Thái Bình; nơi ĐKHKTT: Xã Th, huyện T, tỉnh B; nơi ở: Không có nơi cư trú rõ ràng; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Bùi Văn Tr (Đã chết) và bà Đàm Thị H - Sinh năm: 1969; có vợ: Đinh Thị G - Sinh năm: 1990 (Đã ly hôn) và có 01 con - Sinh năm: 2013; tiền án: Không; tiền sự: bị cáo có 01 tiền sự, cụ thể: Ngày 11/11/2015, Bùi Văn S bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B ra Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc trong thời hạn 24 tháng; bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/8/2019, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Nguyễn Thành H** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 10 tháng 01 năm 1972, tại tỉnh Điện Biên; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ 4, phường H, thành phố Đ, tỉnh B; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ học vấn: 07/10; con ông: Nguyễn Phúc Hậu, sinh năm 1936 và bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1944; có vợ: Đoàn Thị Hằng, sinh năm 1977 (Đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không. bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/8/2019, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông: Vũ Văn H - Sinh năm 1972

Địa chỉ: Số nhà 21, tổ dân phố 10, phường T, thành phố Đ, tỉnh B *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).*

2. Công ty TNHH DM

Địa chỉ: Tổ dân phố 16, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lò văn Biên, sinh năm 1986; địa chỉ: Bản Khá, phường Nam Thanh, thành phố Đ, tỉnh B *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà: Đường Thị H1 - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường H, thành phố Đ, tỉnh B *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).*

- Ông: Nguyễn Văn M - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường H, thành phố Đ, tỉnh B *(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 8 năm 2019, trên địa bàn xã M, thành phố Đ, tỉnh B. Bùi Văn S và Nguyễn Thành H đã 06 lần có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lần 01: Sau khi biết kho sắt của công ty TNHH DM nằm sát Quốc lộ 279 thuộc tổ 2, xã M, thành phố Đ, tỉnh B không có người quản lý, S đã rủ Nguyễn Thành H đi trộm cắp, H đồng ý. Khoảng 19 giờ 30 ngày 11 tháng 8 năm 2019, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 27F4 - 5305 chở S đi từ nhà H lên kho sắt, dựng xe ở ven quốc lộ 279, cả hai cùng đi vào thấy cửa sau mở, không có người trông coi, H dùng điện thoại Nokia, màu đen, trắng để soi, thấy trong kho có nhiều khung cửa sắt dựng tựa vào tường, S bê lấy 04 khung cửa sắt kích thước 1,2m x 1,4m và H bê lấy 04 khung cửa sắt kích thước 1,2m x 0,6m, đều được làm bằng sắt vuông cạnh 01 cm, có tổng khối lượng 78kg, trị giá 2.262.000 *(Hai triệu hai trăm sáu mươi hai nghìn)* đồng ra ngoài đặt lên yên xe. H chở về quán thu mua phế liệu ở tổ 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh B bán cho chị Đường Thị H1 được 468.000 *(Bốn trăm sáu mươi tám nghìn) đồng)*, S đi nhờ xe về sau. Số tiền bán được cả hai đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Lần 02: Khoảng 05 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2019, H tiếp tục điều khiển xe mô tô chở S lên kho sắt trộm cắp. H dùng điện thoại để soi, S bê lấy 04 khung cửa sắt kích thước 1,2m x 0,6m, H bê lấy 04 khung cửa sắt kích thước 0,6m x 0,6m, đều được làm bằng sắt vuông cạnh 01 cm, có tổng khối lượng 50kg. Đồng thời lấy thêm các đoạn sắt vuông đặc có cạnh 01cm, dài 05 -07 cm, nặng 18kg,

cho vào 01 bao tải có sẵn trong kho, tổng trị giá 1.711.000 *(Một triệu bảy trăm mười một nghìn)* đồng cho hết lên xe, H điều khiển xe, S ngồi sau giữ, chở đến quán thu mua phế liệu bán cho chị Đường Thị H1 được 410.000 *(Bốn trăm mười nghìn)* đồng. Số tiền trên H và S đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Lần 3: Với phương thức và thủ đoạn như trên vào khoảng 05 giờ ngày 13 tháng 8 năm 2019, H và S tiếp tục lấy 92kg sắt, gồm các thanh sắt vuông đặc có cạnh 01cm, dài từ 0,5m đến 01m, có tổng trị giá 1.334.000 (một triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, đem về bán cho chị Đường Thị H1 được 550.000 (Lăm trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền trên H và S đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Lần 4: Khoảng 08 giờ ngày 13 tháng 8 năm 2019, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 27F4 - 5305, chở S đi qua nhà anh Vũ Văn H ở bản Phiêng Lợi, xã M, thành phố Đ, tỉnh B, lợi dụng không có ai ở nhà, H lấy 01 chiếc thang sắt, dài 04m, trị giá 333.500 *(Ba trăm ba mươi ba nghìn năm trăm)* đồng, dựng ở gốc cây trước cửa nhà, ra cho S ngồi sau vác, H điều khiển xe, đem về quán thu mua phế liệu bán cho chị Đường Thị H1 được 135.000 *(Một trăm ba mươi năm nghìn)* đồng, cả hai đã mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết.

Lần 5: Khoảng 19 giờ ngày 16 tháng 8 năm 2019, H và S tiếp tục lên kho sắt của Công ty TNHH DM để trộm cắp, H dùng điện thoại để soi, cùng S lấy 02 bao tải có trong kho, S lấy 10kg các thanh nhôm, hình chữ U, dài khoảng 06m, bẻ gập cho vào 01 bao, H lấy 20,5kg các mẩu sắt vụn đặc vuông cho vào 01 bao, tổng trị giá nhôm và sắt là 1.131.600 *(Một triệu một trăm ba mươi mốt nghìn sáu trăm)* đồng, bê ra xe đặt bao sắt ở giữa xe phía trước, bao nhôm đặt trên yên xe. H điều khiển xe, S ngồi sau giữ, mang về bán cho chị Đường Thị H1 được 375.000 *(Ba trăm bảy năm nghìn)* đồng. S cầm 150.000 (một trăm năm) đồng và đưa cho H 225.000 *(Hai trăm hai mươi năm nghìn) đồng)*, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần 6: Khoảng 05 giờ ngày 21 tháng 8 năm 2019, H và S tiếp tục lên kho sắt của Công ty TNHH DM lấy trộm 02 lan can sắt, màu ghi xám, kích thước 335cm x 90cm, nặng 89kg, có tổng trị giá 2.581.000 *(Hai triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn) đồng)*, mang đến quán thu mua phế liệu ở tổ 2, phường H, thành phố Đ, tỉnh B bán cho anh Nguyễn Văn M (Chồng chị H1) được 507.300 *(Năm trăm linh bảy nghìn ba trăm)* đồng. Ngoài ra, H về lấy 02 thanh sắt phi 16 và 01 thanh sắt V5 của H mang ra bán cho anh M, do không đủ tiền nên anh M trả trước cho H 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. H chia cho S một nửa tiền, cả hai đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 xe mô tô biển kiểm soát: 27F4 - 5305;

- 01 điện thoại Nokia, màu đen, trắng;

- 02 lan can sắt; 02 thanh sắt phi 16; 01 thanh sắt V5; 01 chiếc thang sắt dài 04m; 10 kg nhôm; 01 bao xác rắn.

Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu là đại diện của công ty TNHH DM và anh H 02 lan can sắt; 02 thanh sắt phi 16 và 01 thanh sắt V5; 10kg nhôm, trả cho anh H 01 chiếc thang sắt dài 04m; công ty TNHH DM và anh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

- Chị H1, anh M cho các bị can số tiền bỏ ra mua sắt.

Cáo trạng số 87/CT-VKSTPĐBP ngày 11/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điên Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Bùi Văn S và Nguyễn Thành H về tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giữ quyền công tố và tranh luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Bùi Văn S và Nguyễn Thành H về tội: "Trộm cắp tài sản", đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bùi Văn S từ 15 tháng đến 18 tháng về tội: "Trộm cắp tài sản";

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản";

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự: Chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp của cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biện Phủ cho bị hại là công ty TNHH DM, ông Vũ Văn H và ông Nguyễn Văn M tại Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/9/2019 và ngày 20/9/2019 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biện Phủ;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Buộc bị cáo Bùi Văn S và Nguyễn Thành H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH DM và anh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; chị H1, anh M cho các bị cáo số tiền đã bỏ ra mua sắt nên không đề cập giải quyết.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng truy tố là đúng; không có lời bào chữa; không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng tại phiên tòa, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành vi của phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo khai và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo S, bị cáo H phù hợp với lời khai và các bản cung của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; kết luận định giá tài sản; biên bản chỉ sơ đồ vị trí trộm cắp tài sản, vì vậy đủ cơ sơ kết luận:

Trong các ngày trung tuần tháng 8 năm 2019, tại khu vực thuộc xã M, thành phố Đ, tỉnh B. Bị cáo Bùi Văn S và bị cáo Nguyễn Thành H đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác có tổng trị giá 9.353.100 (chín triệu ba trăm năm mươi ba nghìn một trăm) đồng; Bùi Văn S và Nguyễn Thành H là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Trộm cắp tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội: Do thiếu ý thức chấp hành pháp luật, lười lao động mà lại muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Bùi Văn S và Nguyễn Thành H đã lợi dụng sơ hở khi quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút, bí mật 06 lần cùng nhau trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá 9.353.100 *(Chín triệu ba trăm năm mươi ba nghìn một trăm)* đồng; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, vi phạm pháp luật.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Khi thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng người; không có sự câu kết chặt chẽ trong khi thực hiện tội phạm nên không có tổ chức. S là người khởi xướng, rủ rê, H là người chuẩn bị phương tiện; S và H cùng là người thực hành tích cực và cùng hưởng lợi nên có vai trò ngang nhau.

[4] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Bị cáo Bùi Văn S và bị cáo Nguyễn Thành H đều nghiện ma túy; trong 06 lần trộm cắp tài sản có 02 lần trị giá tài sản trên hai triệu đồng nên cả 02 bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bố, mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Thành H được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Các bị cáo là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền nên không áp dụng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Công ty TNHH DM và anh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; chị H1, anh M cho các bị cáo số tiền đã bỏ ra mua sắt vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra, anh Lò Văn Biên là đại diện theo ủy quyền của công ty Công ty TNHH DM khai báo công ty bị mất sắt với số lượng lớn hơn nH không chứng minh được S và H đã chiếm đoạt số tài sản đó nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

[7] Về vật chứng vụ án:

- 02 lan can sắt; 02 thanh sắt phi 16 và 01 thanh sắt V5; 01 chiếc thang sắt dài 04m; 10 kg nhôm cơ quan điều tra tạm giữ, trong quá trình điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đại diện của công ty TNHH DM, anh Vũ Văn H và anh Nguyễn Văn M theo quy định điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên cần chấp nhận;

- 01 xe mô tô biển kiểm soát: 27F4 - 5305 và 01 điện thoại Nokia màu đen, trắng là phương tiện, công cụ phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[8] Về án phí và các vấn đề khác trong vụ án:

- Án phí: Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Bùi Văn S và Nguyễn Thành H, mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

- Chị H1 và anh M khi mua bán tài sản của S và H không biết đó là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên hành vi trên không cấu thành tội phạm.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, tỉnh B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố

Bị cáo Bùi Văn S và bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn S 15 *(Mười lăm)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày

26 tháng 8 năm 2019.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 8 năm 2019.

3. Về vật chứng

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

**Trả lại*: Cho chủ sở hữu 02 lan can sắt; 02 thanh sắt phi 16 và 01 thanh sắt V5; 01 chiếc thang sắt dài 04m; 10kg nhôm

Căn cứ vào *(Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 18/9/2019 và ngày 20/9/2019 của cơ quan CSĐT Công an thành phố Điện Biện Phủ*);

**Tịch thu sung ngân sách nhà nước:*

- 01 xe mô tô biển kiểm soát: 27F4 -5305;

- 01 điện thoại Nokia, màu đen, trắng.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ ngày 15/11/2019).

4. Án phí

Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Văn S và bị cáo Nguyễn Thành H, mỗi bị cáo phải chịu án phí 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh ĐB;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB ;
- VKSND thành phố ĐBP;
- Công an thành phố ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA;
- Chi cục THADS thành phố ĐBP;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THA hình Sự;
- lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

Nguyễn Văn Định